

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

a) Dự án:

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ vật tư nông nghiệp đầu vào cho các gói hỗ trợ nông nghiệp chống chịu với biến đổi khí hậu (CRA) thông qua các phiếu mua hàng dựa trên kết quả hoạt động giai đoạn 3, (ĐN-HH06)

- Tên dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ Đắc Nông

- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA SACCR Đắc Nông

- Nguồn vốn: Vốn ODA không hoàn lại hỗ trợ từ Quỹ khí hậu Xanh (GCF) thông qua Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP)

- Phạm vi cung cấp: Theo khối lượng mời thầu được phê duyệt.

b) Địa điểm: 08 xã: Thuận An, Đắc Sắk, Đức Lập, Nam Dong, Cư Júit, Nam Đà, Nam Nung, Krông Nô

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Phạm vi công việc của gói thầu:

ST T	Loại VTNN	Yêu cầu chất lượng	Khối lượng (kg)
1	Phân bón NPK 20-5-5- 10S+TE	<p>* Phân bón NPK 20-5-5-10S+TE: Phù hợp với Quy chuẩn Việt nam QCVN 01 - 189:2019/BNNPTNT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: - Đạm tổng số (Nts): 20 % - Lân hữu hiệu (P2O5hh): 5% - Kali hữu hiệu (K2Ohh): 5% - Lưu Huỳnh (S): 10% - TE (vi lượng): Zn: 50ppm, Cu: 50ppm, B: 200ppm, Mn: 80ppm. - Độ ẩm ≤5% - Quy cách: Bao 25– 50 kg, đóng bao chắc chắn, không ẩm ướt; không đóng cục; bao bì có hai lớp. - Thời hạn sử dụng: Tối thiểu 18 tháng tính tại thời điểm bàn giao hàng cho nông dân. - Công nghệ sản xuất: Phân bón NPK – trung – vi lượng được sản xuất bằng công nghệ hơi nước, công nghệ ure hóa lỏng, công nghệ hóa học, công nghệ tháp cao; - Quy định về hàng hóa: Sản phẩm có quyết định lưu hành sản phẩm hàng hoá, đủ điều kiện cung cấp ra thị trường. 	60.400
2	Phân bón Hữu cơ - vi sinh	<p>* Phân bón hữu cơ - vi sinh: Phù hợp với Quy chuẩn Việt nam QCVN 01 - 189:2019/BNNPTNT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: + Hàm lượng chất hữu cơ: 18%; + Hàm lượng đạm tổng số: 3%; 	137.550

ST T	Loại VTNN	Yêu cầu chất lượng	Khối lượng (kg)
		+ Vi sinh vật phân giải lân Bacillus sp: 1×10^6 CFU/g; Nấm đối kháng Trichoderma: 1×10^6 CFU/g; - Độ ẩm: 30%; - Quy cách: Bao 25– 50 kg, đóng bao chắc chắn, không ẩm ướt; không đóng cọc; bao bì có hai lớp. - Thời hạn sử dụng: Tối thiểu 10 tháng tính tại thời điểm bàn giao hàng cho nông dân. - Quy định về hàng hóa: Sản phẩm có quyết định lưu hành sản phẩm hàng hoá, đủ điều kiện cung cấp ra thị trường.	

b) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Cam kết hàng hóa cung cấp phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Nhà cung cấp vật tư phải có cam kết về chất lượng hàng hóa, hàng hóa cung cấp không thay đổi so với hàng hóa đã dự thầu tại thời điểm mở thầu.

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ hàng hóa có liên quan cho từng loại vật tư nông nghiệp, đơn vị cung cấp vật tư phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, ...

- Phân bón có Quyết định công nhận phân bón được lưu hành tại Việt Nam của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; các tài liệu chứng minh hàng hóa dự thầu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, ...

- Cung cấp phiếu kiểm nghiệm mẫu của lô hàng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, và phù hợp các yêu cầu chất lượng nêu ở bảng trên

c) Thời hạn hoàn thành: **90 ngày**

d) Các yêu cầu khác

- Hàng hóa được vận chuyển, bàn giao đến Chủ đầu tư theo quy định của nhà sản xuất.

- Kiểm tra, thử nghiệm:

- Trong quá trình cung cấp hàng hóa, Chủ đầu tư hoặc Đại diện chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng và hồ sơ dự thầu.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Chủ Đầu tư sẽ kiểm tra ngẫu nhiên trong các đợt cung cấp hàng hóa theo tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà cung cấp phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật hàng hóa đảm bảo chất lượng đúng theo hồ sơ dự thầu và hợp đồng đã ký kết.

- Trường hợp nhà cung cấp không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà cung cấp chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của chủ đầu tư không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của nhà cung cấp.

1.3. Các yêu cầu khác: Yêu cầu các sản phẩm đầu ra cụ thể như sau:

STT	Tên đầu ra/sản phẩm	Yêu cầu cụ thể về sản phẩm	Thời gian dự kiến hoàn thành (sau khi ký hợp đồng)	Cơ quan Phê duyệt
Nhiệm vụ 1	- Hồ sơ, giấy tờ hàng hóa có liên quan đến VTNN	3 bộ Tiếng Việt	30 ngày	PPMU

<p>Nhiệm vụ 2</p>	<p>Hồ sơ quyết toán của mỗi đợt giao hàng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa đơn tài chính - Danh sách hộ nông dân nhận vật tư nông nghiệp (có chữ ký/hoặc điểm chỉ của nông dân). Mẫu theo Phụ lục số 5 Sổ tay HD-VC-01-05-ĐN; - Các phiếu đổi hàng/phiếu tích điểm của các hộ có chữ ký hoặc điểm chỉ của hộ. - Báo cáo kết quả cung cấp vật tư (chủng loại, số lượng, ...) từng giai đoạn cụ thể với BQLDA. - Tờ rơi hướng dẫn sử dụng và bảo quản với từng loại vật tư nông nghiệp 	<p>3 bộ Tiếng Việt</p>	<p>Theo tiến độ</p>	<p>PPMU</p>
<p>Nhiệm vụ 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoàn thành gói thầu; Báo cáo xử lý khó khăn, vướng mắc của nông dân (nếu có yêu cầu) 	<p>3 bộ Tiếng Việt</p>	<p>Theo tiến độ</p>	<p>PPMU UNDP thông qua báo cáo hoàn thành</p>

Mục 2. Bản vẽ: Không.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Theo quy định hiện hành.